

Beginner (B03)

Nam: Chào em! Đây là lớp tiếng Anh hả?

Hi! Is this English class?

Mai: Dạ.

Yes.

Nam: Cảm ơn em. Em làm gì?

Thank you. What do you do?

Mai: Em là cảnh sát. Anh làm gì?

I'm a police officer. What do you do?

Nam: Anh là nhân viên văn phòng. Còn chị làm gì, chị?

I'm an office worker. And what do you do?

Cô giáo: Chị là giáo viên.

I'm a teacher!

Nam: Thiệt hả?

Really?

Cô giáo: Thiệt! Chị là giáo viên của em!

Yes, really! I'm your teacher!

Nam: À dạ!

Oh, right!

***Từ mới – Vocabulary**

đây	<i>this</i>
lớp	<i>class</i>
dạ	<i>yes (polite)</i>
cảm ơn	<i>thank you</i>
làm	<i>do</i>
Anh làm gì?	<i>What do you do?</i>
Anh là...	<i>I'm a...</i>
cảnh sát	<i>police officer</i>
nhân viên	<i>worker, employee</i>
văn phòng	<i>office</i>
giáo viên	<i>teacher</i>
thiệt	<i>really</i>
Thiệt hả?	<i>Really?</i>
của	<i>of, belonging to</i>
học	<i>study</i>
ủa	<i>exclamation of surprise</i>
chào	<i>goodbye</i>